

có liên quan đến các dân tộc ở nước ta của các nhà dân tộc học Xô Viết (trước đây), một số bài của các học giả Trung Quốc, Tiệp Khắc, Pháp v.v...

Cho đến nay, có thể nói Tạp chí Dân tộc học là cơ quan ngôn luận của tất cả những người làm công tác dân tộc học trong cả nước mang tính nghiên cứu cho cả ngành. Trên 50% bài viết và tác giả là do các cộng tác viên ở ngoài Viện Dân tộc học.

Đến năm 1994, Tạp chí Dân tộc học tròn 20 tuổi đã phát hành được 80 số với hơn 1000 bài nghiên cứu và thông khoa học đến tay bạn đọc từ mọi miền của đất nước.

Tạp chí trong thời gian qua, tuy chất lượng về nội dung và hình thức có thể chưa đồng đều, chưa đáp ứng đầy đủ lòng mong muốn của bạn đọc nhưng điều quan trọng hơn là sự đóng góp quý báu, niềm say mê khoa học, sự chân thành và dạt dào tình cảm đối với đồng bào các dân tộc từ miền núi đến miền xuôi, từ những làng mạc đông đúc đến những bản làng xa xôi heo hút của các nhà khoa học, của các cộng tác viên Tạp chí Dân tộc học. Đó là những tấm lòng vì sự bảo tồn và phát huy những cái hay cái đẹp trong lòng các dân tộc anh em trong xã hội chung, nền văn hóa chung muôn sắc ngàn hương của các dân tộc ở Việt Nam. Tất cả đều quan tâm đến từ trong quá khứ đến hiện đại con đường phát triển toàn diện các dân tộc, nhất là các dân tộc có dân số ít ở các vùng xa xôi hẻo lánh còn chậm phát triển.

Qua 20 năm hoạt động, Tạp chí còn nhiều thiếu sót và tồn tại:

- Vấn đề nâng cao thường xuyên chất lượng của Tạp chí về nội dung cũng như hình thức.

- Tiền nhuận bút còn quá khiêm tốn, chưa đáp ứng được công sức của các tác giả.

- Tạp chí chưa tạo được không khí thảo luận khoa học sôi nổi.

- Vấn đề thông tin khoa học còn nghèo nàn, chưa giới thiệu được những hoạt động dân tộc học, những vấn đề lý thuyết mới, những vấn đề đang được dân tộc học trong và ngoài nước quan tâm.

MỘT SỐ NGHI LỄ LIÊN QUAN ĐẾN DÒNG HỌ Ở NGƯỜI H'MÔNG HUYỆN KỶ SƠN, NGHỆ AN

PHẠM QUANG HOAN

Cho đến nay, ở người H'mông huyện Kỳ Sơn tỉnh Nghệ An vẫn còn tồn tại một loại hình tổ chức xã hội gọi là *xênh* nghĩa là "dòng họ". Mỗi dòng họ được xem như một đơn vị cố kết cộng đồng huyết thống theo dòng cha. Tiêu chuẩn để nhận ra dòng họ là các vị tổ tiên mà dòng họ thờ phụng. Thông thường nếu tính từ thế hệ con lên đến ông tổ là 4 - 5 đời hoặc cũng có thể 6 - 7 đời: *Phà tu* (con), *chí* (cha), *dờ* (ông), *dơ cồng* (cụ), *dơ súa* (ky).

Ở người H'mông, khi hai người muốn nhận là họ hàng của nhau, thì câu hỏi quan tâm họ đầu tiên là *Cò xênh H'mông a chí?* (nghĩa là anh họ gì?). Nếu hai người có cùng tên họ, người ta đối chiếu phả hệ của nhau, để xem có chung một ông tổ hay không. Hai người có nguồn gốc từ một ông tổ mà ra thì gọi nhau là *cư tê thông xênh thông đang* (anh em cùng họ cùng tổ tiên). Nếu không, thì họ tự xem là "không thờ chung những người chết". Người H'mông còn phân biệt rất rõ giữa dòng trực hệ, người ta gọi nhau là "cùng chung một mẹ một cha". Còn đối với các dòng bàng hệ, người ta dùng chữ *phà chí* làm từ xác định trước mỗi một thuật ngữ trong bảng thuật ngữ hệ thống thân tộc. Chẳng hạn, *phà chí dờ nghĩa là* "em họ của bố tôi", tức là "chú của tôi".

Những thành viên cùng dòng họ cùng tổ tiên còn nhận được nhau qua các điều kiêng kỵ về ăn uống, đặc biệt qua các nghi thức

cúng *nhu đa* (ma bò) đèn ơn bố mẹ đã chết, qua cách thức cúng *đá trùng* (ma buồng), qua cách đặt người chết trong nhà, cách đặt hướng mộ,... Mỗi thành viên của từng dòng họ phải biết và thực hiện đầy đủ những kiêng kỵ và nghi lễ đó, trường họ có trách nhiệm truyền thụ cho mỗi người trong dòng họ mình. Ở bản Huổi Tụ và Mường Lống chẳng hạn, họ *Sông* kiêng không ăn thịt loài bò sát và thịt gấu. Trong họ *Hờ* có một ngành kiêng ăn thịt khi. Họ *Giàng* không được ăn tim động vật. Người họ *Lý* kiêng ăn lá lách, người họ *Và* không được ăn với cơm bất kỳ một loại quả chua nào. Họ *Và* còn kiêng mang rau lên rẫy, kiêng ăn cao nấu từ xương hổ. Họ *Lâu* cũng kiêng ăn cơm với quả chua như họ *Và*; kiêng hái quả chua khi đang địu con trên lưng,... Những kiêng kỵ này đều gắn với một tích truyện phổ biến trong từng dòng họ, và được truyền từ đời này qua đời khác. Mỗi thành viên đều phải ghi nhớ và có nghĩa vụ chấp hành đầy đủ các điều kiêng kỵ đó của dòng họ mình. Đồng bào quan niệm nếu không tuân thủ các kiêng kỵ là vi phạm quy ước của dòng họ, và xúc phạm tinh cảm thiêng liêng đối với tổ tiên. Và do đó, người vi phạm sẽ bị tổ tiên "trừng phạt", sẽ gây ốm đau bệnh tật và nhiều sự rủi ro khác.

Dựa trên kết quả khảo sát thực tế tại một số làng, chúng tôi thấy người H' mông ở Kỳ Sơn có các dòng họ như: *xênh Và, xênh Lâu, xênh Vừ, xênh Sông, xênh Mùa, xênh Lý, xênh Hờ, xênh Hạng, xênh Giàng, xênh Cừ, xênh Thò.*

Một điều dễ nhận thấy là các dòng họ trên phân bố ở nhiều bản khác nhau, nhưng ở mỗi bản đều có một hoặc hai dòng họ chiếm số đông. Trong tổng số 28 hộ ở bản Huổi Lê xã Huổi Tụ có tới 24 hộ họ *Sông*, chỉ có hai hộ họ *Và*, một hộ họ *Lý* và một hộ họ *Lâu*. Theo lời kể của bác Vừ Chông Pao, nguyên là chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Kỳ Sơn, họ *Sông* phân bố tương đối đông

ở bản Nam Ngoi xã Nậm Cẩn, ở Mường Típ, Mường Ái. Người họ *Lý* chiếm số đông ở bản Tham Hoốc xã Mường Lống. Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, ở một số nơi cho đến nay, trong một bản chỉ có một dòng họ cư trú như: họ *Và* ở bản Lòng Kèo và Huổi Khun, họ *Lâu* ở bản Nhật Khổng và Tham Pang (xã Mường Lống), họ *Mùa* ở bản Vàng Lứ, họ *Hạ* ở bản Đổng trên, họ *Vừ* ở bản Huổi trong, Huổi giữa, Huổi dưới (xã Tây Sơn)... Những kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: số lượng dòng họ trong một làng không phụ thuộc vào dân số làng. Có thể quan sát bảng kê sau đây:

Tên làng	Số hộ	Dân số	Số dòng họ
Huổi Lê (xã Huổi Tụ)	28	214	4
Mường Lống (xã Mường Lống)	101	800	5
Nhật Khổng	15	116	1
Tham Pang	40	258	1
Lòng Kèo	15	141	1
Huổi Khun	60	454	1
Sám Xóm	53	258	3
Thàn Lạng	21	120	3
Xả Lày	63	453	2
Thâm Lực	26	120	2
Pá Khấn	20	103	4
Mò Nừng	19	149	2
Thâm Hạng	34	258	2
Thâm Hốc	41	288	2

Hiện nay, hiện tượng một bản chỉ có một dòng họ cư trú vẫn còn ở một số nơi, nhưng hình thức cư trú xen kẽ giữa các dòng họ trong một bản vẫn là phổ biến, và các gia đình cùng một dòng họ hay chi họ thường ở thành từng chòm, từng cụm gần nhau tạo thành một phần của bản. Điều này được phản ánh rõ rệt qua thành phần xã hội của các bản Huổi Lê, Mường Lống, Sơn Hà... Nhưng mặt khác, các gia đình trong cùng một dòng họ cũng có thể cư trú ở nhiều vùng, nhiều nơi không chỉ trong phạm vi huyện Kỳ Sơn

mà ở cả các huyện khác, tỉnh khác, và thậm chí cư trú ở các quốc gia khác. Và mặc dù các thành viên cùng dòng họ không nhất thiết phải cư trú gần nhau nhưng giữa họ luôn có mối quan hệ rất chặt chẽ, khi gặp nhau đều coi là người nhà, có thể ốm đau hoặc chết tại nhà của người cùng dòng họ với mình. Ngày nay, trong khu vực cư trú của dòng họ, quan hệ huyết thống vẫn chi phối khá đậm nét.

Dòng họ của người H'mông hàm chứa một số đặc trưng cơ bản. Trước hết, tất cả những người cùng một *xênh*, cùng thờ một *dờ công* (ông tổ) dù xa đến mấy đời cũng không được quan hệ hôn nhân với nhau. Người trong một họ kết hôn với nhau bị coi là phạm tội loạn luân, phải chịu phạt vạ rất nặng cho dòng họ (người nhà trai bị phạt) và chỉ sau đó đôi trai gái mới được phép lấy nhau. Liên hệ đến tục "loạn luân", hiện nay ở người H'mông huyện Kỳ Sơn vẫn còn lưu truyền câu chuyện kể rằng: "Ngày xưa, trong một gia đình có hai anh em chung chẵn, chung gối với nhau và sinh ra người con. Họ hàng coi đây là vết nhơ của dòng họ nên quyết định xử phạt nghiêm khắc đôi trai gái. Người ta trói hai người vào nhau rồi buộc vào hai con trâu, bắn súng cho trâu hoảng loạn chạy xé tan xác". Ông bố rất thương con nên trước khi chết đã để lại lời dặn dò cho con cháu: "Từ nay anh em cùng dòng họ không được kết hôn với nhau, nếu không sẽ bị chết vì cây đổ, đá đè hoặc bị đui mù". Từ đó trở đi người H'mông cùng một họ không bao giờ đính hôn với nhau nữa.

Những kết quả nghiên cứu điền dã ở vùng H'mông cho thấy, có lẽ, sự biến đổi đã và đang diễn ra rõ rệt về mặt kinh tế và xã hội của dòng họ. Trong khi đó mối liên hệ và tính cố kết về tư tưởng, tín ngưỡng và ma chay của các thành viên trong từng dòng họ còn biểu hiện khá rõ nét, được phản ánh tiêu biểu qua lễ *sâu su* và *thi su* (lễ đuổi tà ma), qua lễ làm *nhu đa* tức ma bò.

Trong bài báo này, chúng tôi chỉ tập trung xem xét nghi lễ *nhu đa*, một nghi lễ vẫn đang hiện hành ở vùng người H'mông huyện Kỳ Sơn. Theo phong tục của người H'mông, trong đời người con trai, dù hoàn cảnh gia đình thế nào, cũng phải làm *nhu đa* ít nhất là một lần đền ơn công lao cho bố mẹ. *Nhu đa* thường được tiến hành sau khi bố (mẹ) qua đời từ 3 đến 5 năm. Người H'mông có câu: "*Đà nênh chà mùa, đà đa là tù*" nghĩa là: lừa người thì dày mặt, lừa ma thì chết. Bò chọn làm *nhu đa* phải là con bò đẹp, không có khuyết tật gì, lông đồng màu, đặc biệt không được chọn con bò đã làm thịt hoặc bò chết. Cũng có họ làm *nhu đa* không thịt bò mà thịt dê, họ *Hạ* chẳng hạn. Một số thông tin viên họ *Lầu pò* cũng kể lại rằng, khi làm *nhu đa* người họ này có thể giết con vật khác (không phải là bò) làm lễ nhưng phải phủ lên con vật đó một tấm da bò.

Trong trường hợp gia đình có người ốm nặng, hay đêm nằm mơ thấy mưa to gió lớn, rần, ếch vào nhà thì gia đình phải mời thầy cúng đến làm lễ tạ hỏi tổ tiên nơi đặt *xử ca* xem có phải cha mẹ về đòi bò không. Thầy cúng vào xướng bài khấn và tung vật bói là hai mảnh sừng trâu bở đôi, nếu xuất hiện một sấp, một ngựa là nghiệm, ngược lại cùng sấp hoặc cùng ngựa là dấu hiệu "ma chưa bằng lòng". Cách bói này cùng mô típ với cách bói tiên của tôn giáo tín ngưỡng ở người Việt - hai tiên cùng xuất hiện mặt có chữ thì nói "các ngài cười", ngược lại một tiên có mặt chữ và một tiên có mặt không thì nói "các ngài đã ưng cho". Bói như thế tới 6 lần vẫn không được cúng có nghĩa việc cúng người ốm không phải làm lễ *nhu đa*. Lễ *nhu đa* được tiến hành qua các bước như sau:

Lễ gọi là *bua chơ* - *bua* là con lợn và *chơ* là con dâu. Hai từ ghép lại thành thuật ngữ của người H'mông để chỉ cái lễ mang ý nghĩa "con dâu tức bà chủ nhà phải đem lợn tạ bố mẹ chồng đã quá cố của mình để "các

"ngài" phù hộ cho người ốm qua khỏi tai ương bệnh tật". Lễ này chỉ được phép làm về đêm, kiêng cấm làm ban ngày.

Lễ bắt đầu bằng nghi thức đem quần áo rách cuốn thành hình nộm người rồi lấy áo bố hoặc mẹ - người đã quá cố để lại các con cháu đem mặc vào hình nộm, khăn thắt ngang lưng, trải chiếu trên nền nhà - nơi đã quy định theo phong tục. Tùy từng dòng họ mà đặt hình nộm người trong tư thế khác nhau. Chẳng hạn họ *Lâu* đặt nằm trên chiếu quay chân vào *dê đa* (cột ma) và quay đầu về phía vách *xử ca*. Đây là tục đặt phông theo cách quân thi thể người chết để tiến hành các thủ tục nghi lễ trước khi đưa ra khỏi nhà đem chôn. Thầy cúng bắt đầu dùng sợi chỉ đỏ và trắng nối từ hình nộm người chết đến cuốn vào con lợn ở ngoài sân. Chủ nhà chặt một dống tre bổ đôi để tung bói tại giữa gian nhà nơi có đường dây sợi chỉ dồng qua. Vẫn theo nguyên tắc một sắp một ngựa là nghiệm, ngược lại là không được. Có điều khác là phải tung đến khi nào được mới thôi, không có trường hợp bỏ vì đây là lễ đầu của *nhu đa*. Khi tung bói, chủ nhà phải hỏi người quá cố rằng: "Có phải cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ bảo con dâu dất lợn đến tạ không?" "hai mảnh tre tung lên rơi xuống nền nhà đã nghiệm, lễ được phép chuyển sang khâu tiếp theo.

Người ta cử một người đàn ông khỏe mạnh thấp một ngọn đuốc rồi cầm ra ngoài sân đến gần con lợn sắp bắt làm vật hiến sinh để làm động tác như đuổi đâm dao, mác vào con mồi rồi mới bắt mổ thịt. Sau khi luộc chín, mâm cúng được bày thành những phần đặt trên bát hoặc rổ khác nhau. Các phần phân theo bộ phận cơ thể con lợn, không phân thành từng phần như chia phần cho những người quá cố sắp làm trong bước lễ chính của *nhu đa*. Tục chia phần thịt như thế, người H'mông đã giải thích rằng, khi nhân vật lễ tạ "các ngài" cần kiểm tra xem, con lợn có đủ các bộ phận của nó hay không?

Từ ý niệm tâm linh ấy, bài cúng phải điểm cho các "ngài" nghe như giới thiệu về tim, gan, da, thịt, xương... Và cứ mỗi lần điểm, lại một lần tung bói để nhận được cái nghiệm mới được chuyển đoạn. Mỗi dòng họ có một thứ tự bày phần đặt trên mâm cúng riêng. Chẳng hạn họ *Lâu* theo thứ tự như sơ đồ sau:

① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ ⑪ ⑫

1- gan, 2- phổi, 3- ruột già, 4- thịt ức, 5- bóng đá, 6- là phần xen vào để ngắt giữa. Đó là trứng gà luộc trong nồi nấu thịt lợn, ý cho rằng, sau khi thừa nhận một nửa bộ phận con lợn là đúng, "các ngài" muốn nghi để ăn trứng hoặc thịt gà; 7- thịt lườn phía bụng (ba chỉ), 8- ruột non, 9- hai xương sườn, 10- tim, 11- đuôi, 12- đầu. Tất cả 12 phần thịt chia như thế đều bày thành một mâm cúng tại nơi thầy cúng ở bên cạnh *xử ca*.

Lễ *nhu đa*:

Bua chơ xong xuôi có thể một hai tháng sau hoặc làm ngay *nhu đa*.

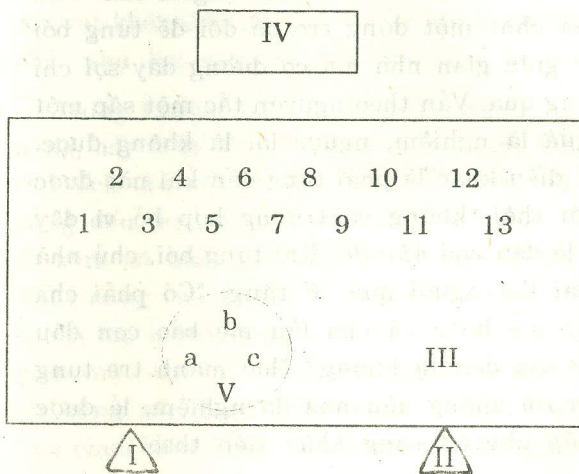
Để chuẩn bị cho lễ, người ta dựng một chiếc lều một mái ở ngoài sân. Lều chỉ được dựng bằng cây thân gỗ, không dùng các loại tre và chỉ dùng cỏ lau để lợp không được lấy cỏ gianh hoặc loại lá khác. Sau đó dắt bò (*nhu*) đến buộc sẵn ở phía sau tức mé mái cuối của lều. Một hoặc hai con trai mang áo của người đã quá cố là cha hoặc mẹ cùng với áo của mình hoặc những anh em trai tức con trai của người quá cố nếu mang áo mẹ; ngược lại nếu là áo cha thì lại phải đem áo của vợ hoặc những chị hoặc em dâu tức con dâu của người quá cố cùng với chiếu đến trải ở lều và đặt áo Áo của con trai và con dâu của người quá cố thì treo, còn áo của bố hoặc mẹ thì trải nằm trên chiếu trong lều theo quy định cho từng dòng họ. Chẳng hạn như họ *Lý* đầu áo quay về phía nhà ở, cũng có nghĩa đã quay về phía *xử*

ca của mình. Họ *Lầu* thì đặt đầu áo về phía mái cao của lều để sao cho chân áo quay về hướng buộc bò. Theo tập quán thì con trai phải dắt bò cho cha và con dâu dắt bò cho mẹ, việc treo áo cha hoặc mẹ ở lều mang ý nghĩa tượng trưng cho lễ đó.

Thầy cúng cùng chủ nhà hoặc anh em được cử đại diện đến đứng nghiêm trang sống đôi trước lều. Thầy cúng bắt đầu làm lễ, trong khi chủ nhà đứng bên cạnh rót rượu. Ý bài cúng lúc này có thể hiểu như lời gia đình đã hứa trước đây, nếu người ốm đau đỡ thì sẽ nộp cho "các ngài" một con bò. Hiện nay, bò đã buộc sau nhà rồi, xin mời "các ngài" đến nhận cho, sau khi nhận rồi, ăn rồi thì phải tiếp tục phù hộ để người đương ốm tai qua nạn khỏi, người đương khỏe thì đừng ốm bao giờ, cuộc sống mọi người được hưởng hạnh phúc... Ông vừa xướng, lại vừa cầm dây chỉ màu trắng và màu đỏ đến buộc vào mũi bò kéo dăng đến cầm chập vào tay áo người con trai hoặc con dâu của người quá cố. Trong lúc đó, người ta cử một người đàn ông khỏe mạnh và thông thạo việc mổ bò cầm trong tay một chiếc búa sẵn sàng xông tới đập vào đầu cho con vật hiến sinh phải ngã lăn ra ngay lập tức không được phép chậm trễ. Trong khi thầy cúng chập sợi dây chỉ vào tay áo treo thì sẽ giả vờ kéo đi để dây đứt. Sợi chỉ đứt phụt, búa cũng giáng xuống đầu bò. Vật hiến sinh ngã lăn quay trên mặt đất. Người ta kiêng không đập bò nhiều lần mới ngã vì như thế chẳng khác nào chủ bò vừa muốn cho cha, mẹ, lại vừa do dự. Theo quan niệm này thì sự do dự không đập hoặc đập sai để con vật hiến sinh không gục ngay, có thể dẫn tới tình cảnh hoặc người đang ốm không khỏi hoặc lại còn kéo theo những người khác trong gia đình hoặc người trong họ bị ốm tiếp. Cũng xuất phát từ quan niệm kiêng kỵ như vậy, người ta phải chọn người đập bò khá cẩn thận và tin cậy ở ngay trong dòng họ của mình.

Sau khi kéo sợi chỉ nối giữa mũi bò với tay áo của cha hoặc mẹ đứt, cũng có nghĩa "ngài" đã lôi con bò đó vào "cõi hư vô" rồi. Những người trong dòng họ và con cháu trực hệ đứng bao vây xung quanh lều lập tức đồng thanh kêu vang và cầu mong sức khỏe, hạnh phúc. Một không khí trầm lặng, linh thiêng bao trùm.

Theo từng dòng họ, thịt bò được pha và chia thành từng phần để bày trên mâm cúng khác nhau: mỗi phần như thế đều phải có những miếng nhỏ, to sao cho đủ các bộ phận trên cơ thể con bò. Trong đó những bộ phận chính không thể thiếu là: thịt thăn, ức, thăn, khấu đuôi, đuôi, da bụng, phổi, gan, lách, sách... Chẳng hạn như họ *Lý*, chia phần và bố trí trên mâm cúng như trên sơ đồ sau:



Phần chú thích ký hiệu số trên sơ đồ:

- I- Vị trí của thầy cúng
- II- Vị trí chủ nhà
- III- Vị trí đặt mâm thịt bò cúng *nhu da*
- IV- Vị trí lều cúng, nơi đặt áo của cha hoặc mẹ đã quá cố và treo áo của con trai (chủ nhà) hoặc con dâu (vợ của chủ nhà)

1 Phần của bố hoặc mẹ, người đã nhận con bò từ tay con gái hoặc con dâu của mình.

2 Phần cho người đi sau cầm roi đuổi con bò về "cõi tổ tiên" cho bố hoặc mẹ.

3 Phần của ông hoặc bà tức cha hoặc mẹ của bố của người chủ nhà, đứng ở vị trí II trong sơ đồ (*phà dờ*).

Từ 4... đến 9 - phần của những người đàn ông đã khuất cùng một thế hệ ngang hàng với cha. Trong thuật ngữ khoa học nghiên cứu về hệ thống thân tộc thì gọi đây là những nam giới thuộc thế hệ bậc I trên egô (E). Thuật ngữ H'mông thì gọi đây là *phà chí* và người đã chết thì gọi là *đa phà chí*. Ở đây có một điều cần chú ý: ở người H'mông vì đã phụ quyền và phụ hệ khá rõ và đậm nét nên đàn bà sau khi xuất giá không được tính vào danh sách dòng họ của mình. Tuy nhiên khi cúng, họ vẫn được mời về tham dự.

Từ 10 ... 13 - phần dành cho những anh em trai cùng thế hệ với người chủ nhà đang đứng ở vị trí II trong sơ đồ, đã khuất. Thuật ngữ hệ thống thân tộc của người H'mông gọi là *phà tu* và khi họ chết thì gọi là *đa trùng xử ca* (ma cùng tổ tiên).

a Phần thổ công (*đa iê đa tsờ*), người H'mông thường dịch là ma khu vực tức mảnh đất quê hương tuy tạm thời hoặc vĩnh cửu của mình.

b Phần dành cho những anh em trong một làng bản đã chết (*đa pha phu*), có nghĩa là ma của những người láng giềng đã chết.

c Phần những người đã chết chưa kịp làm lễ đặt tên chính thức (*đa chi mua bê*).

Đáng chú ý là, ba phần này thường đặt trong một chiếc rổ to lại đặt chung trong mâm cúng (Hình sơ đồ là số 5).

Trong nghi lễ *nhu đa* của người H'mông huyện Kỳ Sơn, có dòng họ trong đời người con trai chỉ làm một lần (thể như họ *Lầu*), nhưng cũng có họ phải làm *nhu đa* nhiều lần (họ *Lý*, họ *Giàng*,...). Điều đáng chú ý nữa là mỗi dòng họ còn có những nghi lễ cúng bái làm *nhu đa* khác nhau về số lượng bát cúng, cách bày bát, chia thịt, địa điểm cúng và chỗ ăn. Dòng họ *Và* bày 33 bát,

chia thịt theo thứ tự từ trái sang phải trong đó 30 bát được bày thành 3 hàng, mỗi hàng 10 bát; 3 bát còn lại xếp thành hình tam giác cân ở một phía (xem sơ đồ).

Hàng 1: O O O O O O O O O O O ma bản

Hàng 2: O O O O O O O O O O O ma
rừng, sông, suối

Hàng 3: O O O O O O O O O O O ma nhà

Bát đầu tiên của hàng 1 mời bố mẹ người làm *nhu đa*. Từ bát thứ 2 đến bát 10 mời tổ tiên, từ 5 - 6 đời trở xuống đời thứ 3 (ông, bà nội). Hàng thứ 2 mời những người chú, bác đã chết. Hàng thứ 3 mời anh, chị, con cháu những người đã chết. Ba bát còn lại một bát mời ma rừng, ma sông, suối; một bát mời ma bản, bát thứ ba dành cho ma nhà (ma bàn thờ). Họ *Sông* cũng chia thịt từ trái sang phải nhưng chỉ bày 13 bát.

Trong dòng họ *Giàng* có chi khi làm *nhu đa*, người ta chặt toàn bộ xương sườn bò thành từng miếng nhỏ và xếp thành ba hàng. Mỗi hàng có 11 phần (xem sơ đồ):

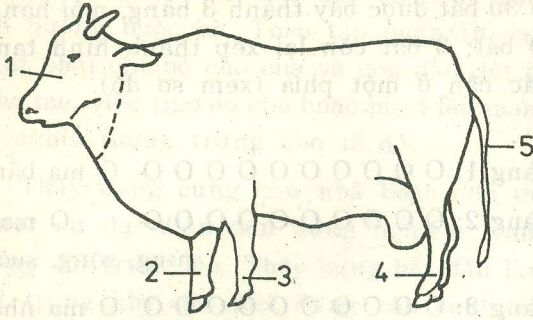
O O O O O O O O O O O Hàng 1: cho bố

O O O O O O O O O O O Hàng 2: cho tất
cả họ hàng đã chết

O O O O O O O O O O O Hàng 3: cho con
dâu đã chết về dắt bò cho bố

Nhưng chúng tôi cũng quan sát thấy ở dòng họ *Giàng* có chi chỉ bày 5 phần. Phần thứ nhất gồm có đầu. Phần thứ hai có cẳng chân phải trước. Phần thứ ba có cẳng chân trái trước. Phần thứ tư có hai cẳng chân sau. Phần thứ năm có đuôi bò (xem hình vẽ).

Theo lời kể của một số người thuộc dòng họ *Lầu*, khi làm *nhu đa* cũng như cúng *đa trùng* có chi như *Lầu* pò chỉ bày 5 phần trong khi đó có chi như *xử xá* lại bày 7 phần hoặc



9 phần. Trái lại, cũng có người họ Lâu ở bản Huổi Viên xã Độc Mạ khi làm *nhu đa* chỉ bày một bát *i tay lầy* gồm có tất cả các bộ phận của con bò. Người họ Hạ tổ chức *nhu đa* cũng bày 9 phần trong đó 8 phần chỉ gồm có thịt thủ và được xếp thành hàng thẳng trên một tấm ván để ngoài nhà, bên cạnh mỗi phần người ta để tấm lá có cơm và thịt các bộ phận của con bò. Phần thứ 9 gồm có đuôi và 4 chân được đặt riêng tách khỏi 8 phần kia, dành cho *chè trò nèn* *san trấu* (những người chết bất đắc kỳ tử). Với 8 phần đặt trên tấm ván được sử dụng như sau:

Phần 1- dành cho người bố quá cố.

Phần 2- dành cho con dâu đã chết về đất bò cho bố.

Từ phần 3 đến 8- dành cho tất cả những người họ hàng gần đã chết.

Có một thực tế là, tất cả các dòng họ khi làm *nhu đa* đều bày các phần thành số lẻ (5, 7, 9, 13... 33). Người H'mông ở Kỳ Sơn không giải thích rõ lý do tại sao lại làm như vậy. Đây là vấn đề rất lý thú cần được quan tâm nghiên cứu trong các công trình tiếp theo.

Trong tang ma cũng có sự phân biệt rõ rệt giữa dòng họ này với dòng họ khác, thậm chí có sự phân biệt giữa các chi họ với nhau. Họ *Vừ mè* đặt thi hài dọc *dành tha*, đầu quay về phía *xử ca*, chân hướng ra *xia mền* (cửa chính). Còn người họ *Vừ lò* đặt đầu người chết chạm vào *dê tà* (cột cái), chân

quay về phía *xử ca*. Cách đặt người chết trong nhà giống như họ *Vừ lò* cũng thấy ở các chi họ *Lâu pò*, *Lâu xử xá*, ở họ *Sông* và họ *Thò*. Họ *Và*, *Hờ*, *Lý*, cũng đặt thi hài dọc theo *dành tha*, đầu quay về *xử ca* nhưng chân chạm vào *dê tà*. Họ *Giàng* đặt thi hài ở gian giữa nhà, trước bàn thờ *xử ca*, đầu quay về *khó tro* (bếp to), chân hướng vào gian trong. Sau khi làm lễ *khó ke* (lễ dẫn đường), họ *Lý* đặt người chết vào cáng tre rồi treo dọc theo cách tường tại gian giữa, đầu quay về phía bếp lò, nhưng trước đó phải tháo *xử ca* ra và cất vào buồng chủ nhà. Họ *Giàng* ở Huổi Tụ lại làm hai giá đỡ rồi đặt cáng có người chết trên đó, đầu quay vào *xử ca*, chân quay ra cửa chính. Có họ, thể như họ *Và* khiêng quan tài ra nghĩa địa mới cho thi hài vào quan tài. Cách chọn nơi chôn cất và đặt hướng mộ cũng không giống nhau giữa các dòng họ, có họ chôn người chết song song với thế núi, đầu quay về phía mặt trời mọc và xung quanh có kè đá (nam kè 9 hàng, nữ 7 hàng). Thuộc loại mộ chôn song song với thế núi có họ *Lâu pò*, *Vừ*, *Lò*, *Lý*, *Thò*. Có họ chôn theo hướng mặt trời mọc và đầu quay vào núi, không kè đá, có họ chỉ đắp đất như mộ người Việt, có họ rào tre xung quanh mộ.

Từ những điều trình bày trên ta thấy dòng họ ở người H'mông là một cộng đồng bao gồm những người có quan hệ huyết thống với nhau tính theo hệ cha, là một đơn vị ngoại hôn, có những mối liên hệ nhất định về kinh tế, xã hội và tư tưởng - tín ngưỡng được biểu hiện trong cả ý thức và trong hoạt động thực tiễn của đời sống. Tổ chức dòng họ của tộc người này hiện nay vẫn giữ vị trí quan trọng trong lĩnh vực tinh thần, trong quan hệ xã hội, hôn nhân và gia đình. Thiết nghĩ, cần phải nghiên cứu và đánh giá đúng bản chất của thiết chế xã hội gọi là "dòng họ" để vận dụng vào công cuộc xây dựng xã hội mới một cách phù hợp và có hiệu quả.